

Số: /BC-SKHCN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

## BÁO CÁO

**Đánh giá tác động của chính sách quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

### I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

#### 1. Bối cảnh xây dựng chính sách

##### 1.1. Bối cảnh quốc tế

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang trở thành động lực tăng trưởng chủ yếu của các quốc gia và đô thị lớn trên thế giới. Các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc đều xác định đầu tư phát triển hạ tầng nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), phòng thí nghiệm dùng chung, nền tảng dữ liệu và hạ tầng số là yếu tố nền tảng để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt đầu tư đối với hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo có tính nền tảng, đồng thời thúc đẩy cơ chế tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, đồng đầu tư và xã hội hóa nhằm huy động nguồn lực xã hội. Các chính sách hỗ trợ thường tập trung vào công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nền tảng, trung tâm đổi mới sáng tạo quy mô lớn và các hạ tầng dùng chung phục vụ hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Các đô thị lớn trong khu vực như Singapore, Thượng Hải, Thâm Quyển, Seoul đều đã hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, phòng thí nghiệm mở, trung tâm dữ liệu và hạ tầng nghiên cứu dùng chung với cơ chế hỗ trợ mạnh về đầu tư, đất đai, thuế, hạ tầng kỹ thuật và hỗ trợ vận hành trong giai đoạn đầu.

##### 1.2. Bối cảnh trong nước

Đảng và Nhà nước xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực then chốt để phát triển nhanh và bền vững đất nước. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định yêu cầu tập trung nguồn lực phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hạ tầng số hiện đại.

Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 đã trao cho thành phố Đồng Nai cơ chế phát triển để ban hành các chính sách ưu đãi, hỗ trợ vượt trội nhằm phát triển lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đồng Nai. Tại điểm a, khoản 2, Điều 30 Luật Phát triển đô thị quy định Hội đồng nhân dân thành phố được ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

Bên cạnh đó, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo hành lang pháp lý mới cho việc thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa công nghệ và hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065 có nêu: phát triển mô hình tăng trưởng mới trên cơ sở lấy ý kiến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu; đưa thành phố phát triển thành cực tăng trưởng đa chức năng, có vai trò dẫn dắt về công nghiệp hàng không, vũ trụ, công nghiệp, công nghệ cao, logistics, thương mại biên giới, nông nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo gắn với phát huy vị trí trung tâm chiến lược của “đô thị sân bay”, kết nối toàn cầu, phát triển ngang tầm với các đô thị sân bay lớn trong khu vực và quốc tế với nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu xây dựng mô hình tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn:

Xác lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên phát triển khoa học, công nghệ với nền kinh tri thức, chuyển đổi số, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp. Phát triển vai trò chủ chốt của kinh tế nhà nước trong các lĩnh vực then chốt, chiến lược, thiết yếu; đẩy mạnh phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài với chất lượng và công nghệ cao gắn với tăng cường liên kết với các khu kinh tế trong nước; hình thành và phát triển các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế tư nhân. Thúc đẩy phát triển mạnh kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tầm thấp... và các mô hình kinh tế mới có giá trị tăng cao gắn với kết cấu rêu rộng và chuỗi cung ứng toàn cầu, phù hợp với đặc thù đô thị sân bay và trung tâm logistics quốc gia.

Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để Đồng Nai phát huy vị trí chiến lược, tiên phong đầu tư, xây dựng và vận hành các mô hình hạ tầng công nghệ, thu hút tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới, thúc đẩy phát triển kinh tế số, chuyển đổi số, các ngành công nghệ chiến lược và đổi mới sáng tạo, xây dựng Đồng Nai trở thành một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về phát triển hạ tầng công nghệ, trung tâm dữ liệu, trí tuệ (AI), điện toán đám mây, công nghiệp bán dẫn, lượng tử, công nghiệp sinh học, vật liệu mới, hạ tầng số và đổi mới sáng tạo của quốc gia; hệ sinh thái công nghệ năng lực cạnh tranh khu vực quốc tế.

Tuy nhiên, phát triển của thành phố chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu đặt ra; các điểm nghẽn về thể chế, hạ tầng, nguồn lực và quản trị đô thị chậm được tháo gỡ; chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc tế còn hạn chế:

Thiếu các trung tâm nghiên cứu - phát triển, phòng thí nghiệm trọng điểm, cơ sở thử nghiệm và hạ tầng nghiên cứu dùng chung quy mô lớn.

Hạ tầng hiện có phân tán, thiếu kết nối, chưa phát huy hiệu quả dùng chung;.

Nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế, trong khi đa số doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao có quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa, khó tiếp cận vốn cho nghiên cứu, đổi mới công nghệ.

Thành phố chưa có cơ chế hỗ trợ đủ mạnh, đồng bộ để khuyến khích xã hội hóa đầu tư và bảo đảm vận hành, khai thác hiệu quả hạ tầng nghiên cứu, phòng thí nghiệm, nền tảng số.

Hoạt động thương mại hóa công nghệ, kết nối cung – cầu và phát triển thị trường khoa học, công nghệ còn hạn chế.

Bên cạnh đó, với mục tiêu phát triển bền vững và chuyển dịch sang mô hình tăng trưởng dựa nhiều hơn vào khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, năng suất các yếu tố tổng hợp, với chất lượng tăng trưởng là mục tiêu quan trọng và lấy con người làm trung tâm của quá trình phát triển.

Do đó, việc xây dựng Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố là cần thiết và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

Nghị quyết nhằm tạo ra một khung chính sách ưu đãi vượt trội, đồng bộ, minh bạch nhằm hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm việc hình thành, nâng cấp hạ tầng nghiên cứu khoa học, thử nghiệm công nghệ và hạ tầng số; đồng thời phát triển mạng lưới các Trung tâm Đổi mới sáng tạo tầm cỡ quốc tế và cấp tỉnh. Thông qua vai trò vốn môi dẫn dắt của ngân sách thành phố, chính sách hướng đến việc kích hoạt tối đa các nguồn lực tài chính xã hội hóa từ doanh nghiệp, viện - trường và các định chế quốc tế; thúc đẩy làm chủ và phát triển công nghệ lõi thuộc Danh mục công nghệ chiến lược; đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực sự trở thành động lực đột phá hàng đầu để duy trì đà tăng trưởng kinh tế cao, bền vững và nâng tầm vị thế quốc tế của “đô thị sân bay” thành phố Đồng Nai.

Hình thành và phát triển hệ thống hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, có khả năng dùng chung - trong đó hệ thống hạ tầng dùng chung của thành phố, bao gồm cả các hạ tầng trọng điểm quốc gia,

được hình thành, mở rộng thông qua chính quá trình triển khai chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng tại từng tổ chức, doanh nghiệp.

Về hiệu quả và chất lượng tăng trưởng: Đóng góp trực tiếp vào mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân đạt hai con số; nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP; phát triển kinh tế số: Đưa tỷ trọng kinh tế số đóng góp vào GRDP của thành phố; hình thành ít nhất 01 Khu công nghệ số tập trung và mạng lưới các cơ sở tính toán hiệu năng cao (AI computing), dữ liệu lớn và Internet kết nối vạn vật phục vụ điều hành và sản xuất thông minh.

## II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Tên chính sách: Chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số và hỗ trợ tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

### 1. Đánh giá tác động

1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng, không ban hành Chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số và hỗ trợ tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

*a) Tác động đối với hệ thống pháp luật được đánh giá trên cơ sở phân tích về tính hợp hiến, sự phù hợp với Luật Phát triển đô thị, tính cân đối, hợp lý với hệ thống pháp luật của chính sách; tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*

- Việc không ban hành chính sách bảo đảm thành phố tiếp tục tuân thủ đầy đủ các quy định chung của pháp luật hiện hành về đầu tư công, khoa học và công nghệ, ngân sách nhà nước, không phát sinh quy định mới, do đó không đặt ra rủi ro về tính hợp hiến hay xung đột với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Tuy nhiên, xét trong mối quan hệ với Luật Phát triển đô thị, giải pháp này không cụ thể hóa được thẩm quyền đã được Quốc hội giao riêng cho Hội đồng nhân dân thành phố tại điểm a khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16. Việc chỉ áp dụng các cơ chế hỗ trợ chung hiện hành (không có cơ chế ưu đãi vượt trội đặc thù) chưa đáp ứng đầy đủ tinh thần “thể chế đặc biệt vượt trội” mà Luật Phát triển đô thị để lại khoảng trống pháp lý giữa thẩm quyền được giao và việc tổ chức thực hiện trên thực tế.

- Về tính tương thích với điều ước quốc tế, giải pháp này không làm phát sinh chính sách hỗ trợ tài chính mới nên không đặt ra rủi ro về tuân thủ các cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan đến trợ cấp, đầu tư.

*b) Đánh giá về yêu cầu, sự phù hợp của việc phân định thẩm quyền giữa các cơ quan, đơn vị, phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn cho các cơ quan, đơn vị; tác động kinh tế, xã hội đối; tác động, ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn tài chính quốc gia, nguyên tắc thị trường.*

Do không ban hành chính sách mới, giải pháp này không làm phát sinh cơ chế phân định thẩm quyền, phân cấp nhiệm vụ mới giữa Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành phố; các cơ quan này tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định hiện hành, không có công cụ chính sách đặc thù để chủ động huy động, phân bổ nguồn lực cho phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Về tác động kinh tế - xã hội, giải pháp này hạn chế khả năng huy động, tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng nghiên cứu; các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tiếp tục gặp khó khăn tiếp cận trang thiết bị nghiên cứu, hạ tầng thử nghiệm và hạ tầng số do chi phí đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn dài; hạn chế khả năng hình thành hạ tầng dùng chung, hạn chế liên kết Nhà nước - doanh nghiệp - viện, trường; ảnh hưởng đến khả năng thu hút tập đoàn công nghệ lớn, doanh nghiệp công nghệ cao và các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) đầu tư vào thành phố.

Về ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn tài chính quốc gia và nguyên tắc thị trường, giải pháp này không làm phát sinh nghĩa vụ chi ngân sách mới nên không ảnh hưởng đến các cân đối lớn của nền kinh tế; tuy nhiên, về dài hạn, việc thiếu cơ chế hỗ trợ vượt trội có thể làm giảm năng lực cạnh tranh của thành phố so với các đô thị lớn trong khu vực trong thu hút đầu tư công nghệ cao, ảnh hưởng gián tiếp đến chất lượng tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo định hướng của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

*c) Đánh giá về việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, công bằng xã hội, phát triển bền vững và giữ gìn bản sắc, giá trị văn hóa của thành phố Đồng Nai.*

Việc không ban hành chính sách không đặt ra rủi ro trực tiếp đối với quyền con người, quyền công dân do không tạo ra quy định mới có thể ảnh hưởng đến các quyền này. Tuy nhiên, việc thiếu cơ chế hỗ trợ đồng nghĩa các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo - nhóm có nguồn lực hạn chế - tiếp tục ở thế bất lợi hơn trong tiếp cận hạ tầng nghiên cứu so với các tổ chức, doanh nghiệp lớn có tiềm lực tài chính, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến công bằng cơ hội phát triển giữa các nhóm chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của thành phố. Giải pháp này không tác động đến việc giữ gìn bản sắc, giá trị văn hóa của thành phố.

*d) Đánh giá về việc bảo đảm việc vận hành nền hành chính quốc gia thống nhất, thông suốt, hiệu quả; bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình (nếu có).*

Do không phát sinh cơ chế hỗ trợ tài chính mới, giải pháp này không đặt ra yêu cầu bổ sung về công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình hay kiểm soát

quyền lực trong quá trình phân bổ, sử dụng ngân sách cho lĩnh vực này. Tuy nhiên, giải pháp này cũng không thiết lập được cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư, cơ chế đối chiếu dữ liệu chống trùng lặp hỗ trợ mà lẽ ra cần có để bảo đảm sử dụng hiệu quả, minh bạch nguồn lực nhà nước nếu thành phố quyết định đầu tư cho lĩnh vực này thông qua các kênh khác trong tương lai.

**1.2. Giải pháp 2:** Xác định thẩm quyền, quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo cơ chế đặc thù tại Điều 5 Luật Phát triển đô thị về Chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số và hỗ trợ tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

*a) Đánh giá về tính hợp hiến, sự phù hợp với Luật Phát triển đô thị, tính thống nhất với các văn bản thi hành Luật Phát triển đô thị; tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*

- Quá trình xây dựng và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đã được rà soát, đối chiếu chặt chẽ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật từ cấp Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội đến các điều ước quốc tế có liên quan, bảo đảm tính pháp lý toàn diện trên các khía cạnh sau:

- Về tính hợp hiến và căn cứ pháp lý thẩm quyền ban hành: Dự thảo Nghị quyết bảo đảm tuyệt đối tính hợp hiến, phù hợp với nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương theo Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Thẩm quyền ban hành chính sách của Hội đồng nhân dân thành phố được xác lập trực tiếp trên cơ sở phân cấp lập quy tại điểm a khoản 2 Điều 30 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16. Việc ban hành các cơ chế tài chính nhằm hỗ trợ phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số và hệ thống đổi mới sáng tạo thể hiện rõ chức năng của chính quyền địa phương trong việc quản trị, tạo động lực phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn theo đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật.

- Về sự phù hợp với Luật Phát triển đô thị và các văn bản thi hành: Nội dung dự thảo Nghị quyết tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc áp dụng pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16. Chính sách hỗ trợ được ban hành nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 11/NQ-TTHĐND ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt danh mục Nghị quyết quy định pháp luật dự kiến ban hành triển khai Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16. Các quy định về hỗ trợ hạ tầng vật lý Nhóm 1 và hạ tầng số Nhóm 2 tại Điều 4, Điều 6 và hệ thống đổi mới sáng tạo tại Điều 7 của dự thảo Nghị quyết hoàn toàn thống nhất với định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị thông minh, hạ tầng kinh tế tri thức và phát triển đô thị bền vững theo chuẩn mực siêu đô thị quy định tại Luật Phát triển đô thị.

- Về tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật chuyên ngành hiện hành: Dự thảo Nghị quyết bảo đảm sự liên thông, thống nhất, không mâu thuẫn hay chồng chéo với hệ thống pháp luật chuyên ngành của Trung ương:

- Đối với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15: Chính sách tại dự thảo Nghị quyết thể chế hóa trực tiếp định hướng ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng nghiên cứu và kết nối liên thông Viện - Trường - Doanh nghiệp; áp dụng nhất quán nguyên tắc chấp nhận rủi ro khoa học trong đánh giá, nghiệm thu; và vận dụng đột phá quy định tại Điều 24 về việc giao quyền quản lý, sử dụng và sở hữu tài sản hình thành từ kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp chủ trì mà không làm phát sinh thủ tục xác lập quyền sở hữu phức tạp.

- Đối với Luật Chuyển đổi số 148/2025/QH15 và Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15: Danh mục hạ tầng số, hệ thống số quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị quyết được chuẩn hóa đồng bộ với các khái niệm về hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, nền tảng số và hệ thống điều hành thời gian thực; đồng thời bám sát Danh mục công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố ban hành để làm căn cứ áp dụng mức trần hỗ trợ cao nhất (25 tỷ đồng/dự án). Đối với pháp luật về Ngân sách nhà nước: Dự thảo Nghị quyết phân định rành mạch nguồn chi sự nghiệp khoa học công nghệ cho các nội dung hỗ trợ.

- Về tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: Nội dung dự thảo Nghị quyết Chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quy định tại dự thảo Nghị quyết không thuộc phạm vi điều chỉnh của điều ước quốc tế nào mà Việt Nam là thành viên, không phát sinh xung đột với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

- Từ các căn cứ pháp lý và thực tiễn nêu trên, dự thảo Nghị quyết hoàn toàn bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất đồng bộ với hệ thống pháp luật trong nước và tương thích tuyệt đối với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đủ điều kiện pháp lý để trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết nghị thông qua.

*b) Đánh giá về yêu cầu, sự phù hợp của việc phân định thẩm quyền giữa các cơ quan, đơn vị, phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn cho các cơ quan, đơn vị; việc bảo đảm không phương hại đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, dân tộc, tôn giáo và lĩnh vực khác liên quan trực tiếp đến chủ quyền quốc gia.*

- Quá trình xây dựng và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đã được rà soát, đối chiếu chặt chẽ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật từ cấp Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội đến các điều ước quốc tế có liên quan, bảo đảm tính pháp lý toàn diện trên các khía cạnh sau:

- Dự thảo Nghị quyết phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa Hội đồng nhân dân thành phố (quyết định chính sách, mức hỗ trợ tại Chương II), Ủy ban nhân dân thành phố (tổ chức thực hiện, chỉ đạo phân công nhiệm vụ tại Điều 10) và cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố (đầu mối tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu dữ liệu chống hỗ trợ trùng lặp), bảo đảm phân quyền triệt để, toàn diện theo khoản 3 Điều 3 Luật Phát triển đô thị. Nội dung chính sách của dự thảo Nghị quyết chỉ tập trung vào lĩnh vực khoa học,

công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp dân sự; không điều chỉnh, không liên quan đến lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia, dân tộc, tôn giáo hoặc các vấn đề khác liên quan trực tiếp đến chủ quyền quốc gia, bảo đảm phù hợp với khoản 2 Điều 3 Luật Phát triển đô thị. Riêng đối với tiêu chí hạ tầng Nhóm 2 (hạ tầng số), dự thảo Nghị quyết đã quy định dữ liệu nghiên cứu phát sinh từ hạ tầng được hỗ trợ phải lưu trữ trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu (Điều 5 khoản 1 điểm c), góp phần bảo đảm an ninh thông tin quốc gia trong quá trình triển khai chính sách.

*c) Đánh giá về việc bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân, công bằng xã hội, phát triển bền vững và giữ gìn bản sắc, giá trị văn hóa của Thành phố Đồng Nai; tác động, ảnh hưởng đến ổn định kinh tế vĩ mô, an toàn tài chính quốc gia, quy luật thị trường.*

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở rà soát, đánh giá toàn diện các chiều kích tác động xã hội và kinh tế vĩ mô, bảo đảm tính nhân văn, tính khả thi tài chính và sự hài hòa với các quy luật vận hành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

- Về bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân và thúc đẩy công bằng xã hội: Dự thảo Nghị quyết quán triệt sâu sắc tinh thần của Hiến pháp về quyền tự do kinh doanh, quyền tự do nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và sáng tạo văn hóa. Chính sách hỗ trợ được thiết kế nhằm bảo đảm quyền tiếp cận bình đẳng, minh bạch cho mọi chủ thể hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn. Bộ tiêu chí không tạo ra bất kỳ rào cản mang tính phân biệt đối xử nào theo hình thức sở hữu; các đơn vị công lập (viện nghiên cứu, trường đại học, bệnh viện) và khối ngoài công lập (doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) đều có cơ hội tiếp cận công bằng nguồn trợ lực tài chính từ Nhà nước nếu đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực kỹ thuật và năng lực triển khai thực tế. Quy trình công khai, minh bạch gắn với nguyên tắc hậu kiểm và trách nhiệm giải trình giúp triệt tiêu cơ chế “xin – cho”, bảo đảm sự công bằng cho toàn bộ các thành phần trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

- Việc hỗ trợ phát triển các cơ sở nghiên cứu chuyên sâu, hạ tầng số dùng chung và các phòng thử nghiệm công nghệ chiến lược tạo ra tiền đề vững chắc để phát triển hệ sinh thái y tế thông minh, giáo dục số, bảo vệ môi trường, giảm phát thải carbon và tối ưu hóa hệ thống giao thông - logistics liên vùng. Chính sách trực tiếp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động từ thâm dụng tài nguyên sang thâm dụng tri thức, tạo ra hàng trăm nghìn việc làm chất lượng cao, tăng thu nhập thực tế và nâng cao toàn diện chất lượng môi trường sống của người dân theo đúng các mục tiêu phát triển bền vững của Quốc gia.

- Về giữ gìn bản sắc và phát huy giá trị văn hóa của thành phố Đồng Nai, thành phố luôn xác định “con người là trung tâm, văn hóa là nền tảng tinh thần”. Dự thảo Nghị quyết chú trọng thúc đẩy hạ tầng số phục vụ công nghiệp văn hóa

số, bảo tồn di sản và chú trọng ứng dụng hạ tầng số phục vụ phát triển công nghiệp văn hóa, bảo tồn di sản và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của thành phố. Việc hỗ trợ không gian làm việc, kết nối, trình diễn sản phẩm và các nền tảng truyền thông số không chỉ tôn vinh tinh thần năng động, tiên phong, dám nghĩ, dám làm và nghĩa tình của người dân thành phố, mà còn xây dựng môi trường văn hóa số lành mạnh, bao trùm, bảo đảm cho mọi tầng lớp nhân dân đều được thụ hưởng thành quả từ tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- Cơ chế hỗ trợ hạ tầng tại Dự thảo Nghị Quyết không chế tỷ lệ tối đa không quá 50% tổng mức kinh phí dự án, áp dụng nguyên tắc đồng tài trợ Đồng thời, bắt buộc áp dụng công cụ bảo lãnh ngân hàng trước khi giải ngân từng đợt để thu hồi 100% kinh phí nếu xảy ra vi phạm do lỗi chủ quan. Cơ chế tài chính này bảo đảm an toàn tuyệt đối cho dòng vốn công, loại trừ triệt để nguy cơ thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước.

- Tạo lập cơ chế đồng triển khai công - tư: Bằng việc kích hoạt vốn đối ứng tư nhân cho các dự án hạ tầng và có thể thu hút thêm hàng trăm tỷ đồng vốn đầu tư cơ sở vật chất từ các mô hình trung tâm đổi mới sáng tạo, chính sách hoàn toàn tuân thủ quy luật chia sẻ lợi ích, san sẻ rủi ro, thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh và thu hút vốn xã hội hóa vào khu vực công nghệ cao của thành phố.

*d) Đánh giá về việc bảo đảm vận hành nền hành chính quốc gia thống nhất, thông suốt, hiệu quả; bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền.*

- Dự thảo Nghị quyết được thiết kế với các cơ chế kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro chặt chẽ, bảo đảm tính kỷ cương hành chính, công khai, minh bạch và phòng ngừa tiêu cực, lãng phí ngân sách nhà nước thông qua các giải pháp cụ thể sau:

- Về bảo đảm vận hành nền hành chính thống nhất, thông suốt và hiệu quả: Dự thảo Nghị quyết thực hiện theo cơ chế một cửa, một đầu mối duy nhất nhằm tinh giản tối đa quy trình hành chính. Tại khoản 3 Điều 8, Nghị quyết giao rõ trách nhiệm cho Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố làm đầu mối duy nhất tiếp nhận hồ sơ, đối chiếu dữ liệu với các hệ sinh thái và chính sách ưu đãi khác để ngăn ngừa trùng lặp ngay từ khâu tiếp nhận. Trình tự, thủ tục xét duyệt, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ được thực hiện thống nhất theo pháp luật về quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (khoản 2 Điều 8), đồng thời toàn bộ biểu mẫu (Đơn đăng ký Mẫu 01, Thuyết minh dự án Mẫu 02, Cam kết Mẫu 03 và Bảng dự toán chi tiết Phụ lục II) được ban hành trực tiếp kèm theo Nghị quyết để triển khai thống nhất, thông suốt trên toàn địa bàn siêu đô thị mà không phải chờ văn bản hướng dẫn kéo dài.

- Về bảo đảm tính công khai, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng và trách nhiệm giải trình: Nguyên tắc xét chọn đối tượng hỗ trợ được xác định rõ tại khoản 2 Điều 3 là phải thực hiện công khai, minh bạch, có tính cạnh tranh bình đẳng.

Điểm b khoản 1 Điều 10 quy định Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tổ chức cập nhật, công bố công khai thông tin về tình hình thực hiện chính sách, danh mục các tổ chức, doanh nghiệp được phê duyệt kinh phí và hiệu quả đầu tư, khai thác hạ tầng. Điểm a khoản 3 Điều 3 chuyển đổi phương thức quản lý sang nguyên tắc hậu kiểm: đánh giá, nghiệm thu dựa trên kết quả đầu ra thực tế, hiệu quả khai thác sử dụng và mức độ đóng góp kinh tế - xã hội của dự án, gắn liền với quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình toàn diện của tổ chức, doanh nghiệp thụ hưởng trước pháp luật.

- Về cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực: Nghị quyết thiết lập các yêu cầu và pháp lý nghiêm ngặt nhằm phòng ngừa các hành vi trục lợi chính sách:

Chống trùng lặp ngân sách: Khoản 5 Điều 3 và điểm e khoản 2 Điều 5 quy định nguyên tắc không hỗ trợ trùng lặp từ ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung chi đối với một đối tượng; tổ chức, doanh nghiệp phải cam kết và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính duy nhất của nguồn kinh phí tiếp nhận.

Sàng lọc đối tượng bằng tiêu chí định lượng minh bạch: Điều 5 quy định các tiêu chuẩn rõ ràng để loại trừ các hồ sơ yếu kém, không đủ năng lực (phải không nợ thuế, không nợ bảo hiểm xã hội, có bộ phận R&D chuyên trách, đối với doanh nghiệp bắt buộc phải có Báo cáo tài chính kiểm toán độc lập chứng minh tổng chi cho hoạt động R&D đạt tối thiểu 2% doanh thu bình quân 3 năm hoặc từ 200 tỷ đồng/năm trở lên).

Không chế tỷ lệ đồng tài trợ: Khoản 2 Điều 6 không chế mức hỗ trợ của Nhà nước tối đa không vượt quá 50% tổng mức kinh phí dự án, đơn vị chủ trì phải có trách nhiệm tài chính bằng chính nguồn vốn đối ứng tự có của mình.

Về công cụ kiểm soát và bảo đảm thu hồi kinh phí: Nhằm ngăn ngừa triệt để tình trạng thất thoát vốn nhà nước khi dự án đình trệ hoặc đơn vị chiếm dụng ngân sách, khoản 3 Điều 6 thiết lập cơ chế kiểm soát rủi ro chặt chẽ: Giải ngân theo tiến độ và kết quả: Kinh phí được cấp phát theo hợp đồng giao nhiệm vụ và tiến độ đánh giá thực tế các nội dung cam kết. Bảo lãnh ngân hàng bắt buộc: Trước khi nhận kinh phí hỗ trợ ở từng đợt, tổ chức, doanh nghiệp bắt buộc phải nộp bảo lãnh ngân hàng (hoặc biện pháp bảo đảm hợp pháp khác) tương ứng với số kinh phí được cấp. Chế tài thu hồi 100% kinh phí: Trường hợp nhiệm vụ dừng hoặc không thành công do lỗi chủ quan của đơn vị, cơ quan quản lý nhà nước có quyền chấm dứt hợp đồng và kích hoạt ngay biện pháp bảo lãnh ngân hàng để thu hồi toàn bộ kinh phí đã cấp về ngân sách thành phố mà không gặp rủi ro thất thoát vốn nhà nước. Song song đó, Nghị quyết quy định trường hợp không thành công do nguyên nhân khách quan hoặc rủi ro khoa học công nghệ thì xem xét xử lý theo quy định pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo vệ an toàn cho cán bộ quản lý thực thi công vụ.

Về gắn kết trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền: Tại Điều 10 của dự thảo Nghị quyết, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan được phân định rõ ràng: Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm

chỉ đạo phân công thực hiện, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định và định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về kết quả triển khai, đánh giá hiệu quả chính sách. Đồng thời, khoản 2 Điều 10 trao quyền hạn giám sát toàn diện cho Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong toàn bộ quá trình tổ chức triển khai, giải ngân và đánh giá hiệu quả của Nghị quyết, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ, phục vụ đúng mục tiêu phát triển khoa học công nghệ của thành phố.

e) Việc không áp dụng đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của thành phố, theo đó, việc xác định phạm vi áp dụng không căn cứ đơn thuần vào lĩnh vực nghiên cứu mà căn cứ vào thẩm quyền quản lý, nguồn lực thực hiện, đối tượng thụ hưởng và nội dung cụ thể của từng cơ chế, chính sách.

Đối với hạ tầng, dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nội dung phục vụ hoặc liên quan đến quốc phòng, an ninh nhưng thuộc thẩm quyền quản lý của thành phố và đáp ứng đầy đủ tiêu chí, điều kiện quy định tại Nghị quyết (Điều 5) thì tổ chức, doanh nghiệp được xem xét áp dụng các cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư hạ tầng phù hợp theo Nghị quyết.

Đối với chương trình, nhiệm vụ, đề án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoặc cơ quan Trung ương có thẩm quyền thì việc tổ chức thực hiện, quản lý nhiệm vụ, quản lý và sử dụng kinh phí, kết quả nghiên cứu và các nội dung có tính chất đặc thù về quốc phòng, an ninh được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp hạ tầng, dự án có nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật quốc phòng, an ninh, cơ yếu hoặc có yêu cầu hạn chế công bố, tiếp cận, chuyển giao kết quả thì việc quản lý, khai thác, công bố, cung cấp thông tin, chuyển giao và các hoạt động có liên quan phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh, cơ yếu và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan; đồng thời, dữ liệu nghiên cứu phát sinh từ hạ tầng thuộc Nhóm 2 được hỗ trợ phải lưu trữ trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu (Điều 5 khoản 1 điểm c dự thảo Nghị quyết).

Quy định theo hướng này nhằm bảo đảm chính sách của thành phố có thể được áp dụng đối với hoạt động đầu tư hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ yêu cầu phát triển thành phố, kể cả các hoạt động có liên quan đến quốc phòng, an ninh khi thuộc thẩm quyền của thành phố; đồng thời không làm thay đổi hoặc thay thế các cơ chế quản lý chuyên ngành đối với những nội dung thuộc thẩm quyền của cơ quan Trung ương.

## **2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn**

- Lựa chọn Giải pháp 2: Xác định thẩm quyền, quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo cơ chế đặc thù tại Điều 5 Luật Phát triển đô thị.

- Lý do lựa chọn: Giải pháp này tận dụng đúng, đầy đủ cơ chế pháp lý mà chính Luật Phát triển đô thị đã thiết lập sẵn dành riêng cho thành phố, khắc phục được khoảng trống, sự lúng túng về thẩm quyền phát sinh nếu chỉ áp dụng quy trình chung (Giải pháp 1), đồng thời vẫn bảo đảm đầy đủ các yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực theo quy định chung của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đây là cơ sở trực tiếp để thành phố xây dựng, ban hành dự thảo Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo nêu tại Chính sách 2 của Báo cáo này.

## **2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp**

Lựa chọn giải pháp ban hành chính sách hỗ trợ phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, hạ tầng số và chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với tổ chức có hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

### **Lý do lựa chọn:**

Chính sách phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước và định hướng phát triển đô thị của thành phố Chính sách nhằm cụ thể hóa cơ chế phát triển đô thị theo Luật Phát triển đô thị; giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ hiện nay; đồng thời tạo động lực thúc đẩy phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của thành phố và tăng cường thu hút đầu tư xã hội cho khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

Thực tiễn hiện nay cho thấy hệ thống hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hạ tầng số của thành phố vẫn còn thiếu tính đồng bộ; năng lực nghiên cứu, thử nghiệm, kiểm định, phân tích và phát triển công nghệ còn phân tán; số lượng phòng thí nghiệm trọng điểm, cơ sở thử nghiệm, trung tâm đổi mới sáng tạo và hạ tầng số dùng chung còn hạn chế; chi phí đầu tư lớn trong khi cơ chế hỗ trợ, huy động nguồn lực xã hội chưa đủ mạnh để thu hút doanh nghiệp, tổ chức tham gia đầu tư phát triển hạ tầng.

Việc ban hành chính sách hỗ trợ là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý để Thành phố tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ hình thành các phòng thí nghiệm dùng chung, trung tâm nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, cơ sở thử nghiệm, nền tảng số và hạ tầng dữ liệu dùng chung; thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực nghiên cứu, làm chủ, ứng dụng và thương mại hóa công nghệ.

Đồng thời, hiện nay các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố vẫn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ, tiếp cận hạ tầng nghiên cứu dùng chung, kết nối chuyên gia, thị trường và nguồn vốn đầu tư. Hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp

sáng tạo còn hạn chế; sự liên kết giữa doanh nghiệp với viện nghiên cứu, trường đại học chưa chặt chẽ; thị trường khoa học và công nghệ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của thành phố. Việc ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ là cần thiết nhằm tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp, tổ chức đầu tư cho nghiên cứu, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và phát triển sản phẩm công nghệ mới; hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển tài sản trí tuệ, mở rộng thị trường và tham gia chuỗi cung ứng công nghệ cao; thúc đẩy hình thành và phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao.

Bên cạnh đó, chính sách sẽ góp phần tăng cường thu hút đầu tư xã hội, thúc đẩy tài trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, khai thác hạ tầng dùng chung với chi phí hợp lý; tạo môi trường thuận lợi cho khởi nghiệp sáng tạo, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ số; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hoạt động hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đồng bộ, hiện đại và có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế; qua đó góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố theo hướng đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trên cơ sở đánh giá tác động nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về một số cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hạ tầng, hệ thống đổi mới sáng tạo, tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố là cần thiết, có cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn; phù hợp với yêu cầu phát triển thành phố Đồng Nai trong giai đoạn mới.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, CDS.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Minh Quang**